

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-PT
Ngày 07 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán:

Ông Trần Trọng Nhân

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 216/2019/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Vũ L, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Vũ L, sinh năm 1991; Nơi sinh: huyện N, tỉnh Cà Mau; Đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh C và bà Lê Thị T; Vợ: Ngô Thị C (đã ly hôn); Con: 03 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Anh Phạm Phú N – sinh năm 1980; Nơi cư trú: huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/7/2019, tại nhà ông Mai Văn H thuộc ấp T, xã T, Lê Vũ L và anh Phạm Quốc T, Phạm Phú N có đánh nhau được Nguyễn Văn Q can ngăn. Q, T, N đến nhà Nguyễn Chí L chơi, còn L về nhà. Về đến nhà, L lấy dao dắt vào túi quần phía sau lưng đến nhà anh L tìm N và T. Lúc này, Q thấy L đi vào nên can ngăn thì L đập trúng người Q, L tiếp tục đến chỗ N, lúc này N đang ngồi trên bộ ván. Thấy L đến, N ngồi dậy thì bị L lấy dao chém một nhát trúng vào trán của N gây thương tích, mọi người can ngăn. Anh N được đưa vào Bệnh viện đa khoa điều trị từ ngày 09/7/2019 đến ngày 15/7/2019 ra viện.

Giấy chứng nhận thương tích số 80/CN ngày 15/7/2019 của Bệnh viện đa khoa chẩn đoán: Vết thương + chấn thương quanh mắt phải/đục thủy tinh thể mắt phải.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 181/TgT ngày 28/8/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Cà Mau kết luận thương tích của Phạm Phú N; Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 vết sẹo từ đầu chân mày đến cuối chân mày phải, kích thước 06cm x 0,2cm. Tỷ lệ 08%. Do vật sắc hoặc vật sắc nhọn gây ra
- Mắt phải đục thủy tinh thể không xếp tỷ lệ.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định tính theo thông tư số 20/2014/TT – BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế là 08%.

- Vật chứng thu giữ: 01 cây dao màu đen, lưỡi và cán dao bằng sắt dài 33cm (tính từ mũi dao đến cán dao), chiều rộng lưỡi dao lớn nhất 06cm, chiều rộng lưỡi dao nhỏ nhất 03cm, đầu mũi dao bằng, đã qua sử dụng.

- Anh N yêu cầu xử lý hình sự đối với Lê Vũ Lâm và yêu cầu bồi thường số tiền 11.964.584 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 48 – Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590 – Bộ luật Dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: - Bị cáo Lê Vũ L 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Buộc Lê Vũ L bồi thường cho anh Phạm Phú N 11.964.584 đồng.
- Tịch thu tiêu hủy cây dao màu đen, lưỡi và cán dao bằng sắt là tang vật của vụ án.

Bị cáo Lê Vũ L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 598.000 đồng.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019 bị cáo Lê Vũ L có đơn kháng cáo (Đơn đề ngày 05/12/2019) nêu rằng, án sơ thẩm bỏ qua một số tình tiết quan trọng như: Bị cáo bị T và N đánh phải bỏ chạy bỏ lại xe mô tô và điện thoại; Lời khai của ông Nguyễn

Văn D không phù hợp; Từ ngày 08/7/2019 đến ngày 16/7/2019 (thời gian nằm viện) N vẫn đi lao động bình thường. Do đó, bị cáo kháng cáo rằng, án sơ thẩm phạt bị cáo 06 tháng tù và buộc bồi thường cho anh N 11.964.584 đồng là không khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Vũ L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] Lê Vũ L là bị cáo trong vụ án; Đơn kháng cáo của bị cáo L trong thời hạn luật định, được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 333 – Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L thừa nhận: Thương tích trên người của anh N mà cơ quan giám định kết luận tỷ lệ thương tật 08% là do một mình bị cáo gây ra. Hung khí bị cáo gây thương tích cho anh N là cây dao có cán và lưỡi bằng sắt, dài 33cm (tính từ mũi dao đến cán dao), chiều rộng lưỡi dao lớn nhất 06cm, chiều rộng lưỡi dao nhỏ nhất 03cm, đầu mũi dao bằng, đã qua sử dụng. Cây dao gây thương tích cho anh N chính là cây dao mà cơ quan điều tra thu giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo nêu rằng, bị cáo không cố ý gây thương tích cho anh N, việc anh N bị thương tích là do anh N té vào người bị cáo, bị cáo dùng hai tay đẩy anh N ra, lúc này trên tay bị cáo có cầm dao nên trúng vào trán anh N. Lời trình bày này của bị cáo không phù hợp với diễn biến của sự việc xảy ra, không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ:

Lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của nhân chứng, biên bản hiện trường, thương tích để lại trên người bị hại, hung khí phạm tội mà cơ quan điều tra thu thập được có đủ căn cứ kết luận. Bực tức từ việc đánh nhau, bị cáo cầm dao tìm anh N và anh T để trả thù. Thấy anh N trong nhà ông D bị cáo đi đến nơi anh N ngồi và chém một nhát trúng vào trán anh N gây thương tích 8%.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy: Án sơ thẩm xử bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 – Bộ luật hình sự là đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Bị cáo kháng cáo nêu rằng, phạt bị cáo 06 tháng tù là không đúng tính chất của vụ việc, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin được hưởng án treo. Thấy rằng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ dẫn đến đánh nhau nhưng sự việc đánh nhau đã được chấm dứt. Bị cáo, nảy sinh ý định trả thù nên lấy dao tìm anh N để đánh anh N và thực tế khi gặp anh N bị cáo đã dùng dao chém vào trán anh N. Hành vi phạm tội này của bị cáo thể hiện tính hung hãn xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Bị cáo gây thương tích vùng đầu của bị hại nơi rất nguy hiểm đối với con người. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là đã có xem xét đến tất cả các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo đã được hưởng và đã xem xét nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo, là mức thấp nhất của khung hình phạt tù. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp mới tình tiết tự nguyện bồi thường 2.000.000đ tiền điều trị thương tích cho bị hại; Bị cáo có cụ nội được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến, có người bác hy sinh. Song, những tình tiết giảm nhẹ mới này không thể giảm bớt được tính chất và mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Mức hình phạt 06 tháng tù đối với bị cáo là có phần nhẹ cho bị cáo, nhưng Viện kiểm sát không kháng nghị, bị hại không kháng cáo nên không làm bất lợi cho bị cáo.

[4] Đối với bị cáo nêu rằng, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm có mối quan hệ bà con với bị hại; Cha đẻ của Thẩm phán có quan hệ cô cậu ruột với cha đẻ của bị hại. Thấy rằng, mối quan hệ này không thuộc trường hợp pháp luật tố tụng hình sự quy định Thẩm phán chủ tọa là người thân thích của bị hại. Đồng thời cũng không có căn cứ nào xác định Thẩm phán chủ tọa không khách quan, không vô tư trong thực hiện nhiệm vụ xét xử vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc không khách quan.

[5] Đối với việc bị cáo kháng cáo cho rằng trước khi bị cáo gây thương tích cho anh N thì anh N đánh bị cáo gây thương tích và làm hư hại về tài sản của bị cáo. Vấn đề này bị cáo có quyền yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết ở một vụ việc khác.

[6] Bị cáo kháng cáo cho rằng, án sơ thẩm buộc bồi thường tiền viện phí và tiền công lao động 11.964.000đ là không đúng vì bị hại không có tổn thất tiền công lao động. Thấy rằng, án sơ thẩm xác định số tiền điều trị bệnh theo toa vé và chi phí thực tế 5.964.000đ là có căn cứ.

Đối với số tiền công lao động 6.000.000đ. Bị cáo cho rằng, có nhân chứng thấy bị hại vẫn đi lao động từ ngày 08/7/2019 cho đến ngày 16/7/2019. Tại phiên tòa người bị hại xác định yêu cầu bồi thường mất thu nhập 30 ngày kể từ ngày ra viện. Xét thấy: Việc bị cáo gây thương tích cho anh N có làm ảnh hưởng đến sức khỏe của anh N, anh N yêu cầu bồi thường mất thu nhập 30 ngày là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Số tiền yêu cầu bồi thường 6.000.000đ là phù hợp với thực tế thu nhập của người thợ hồ như anh N tại địa phương. Do đó yêu cầu kháng cáo này của bị cáo không được chấp nhận.

Như vậy, bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 11.964.000đ nhưng bị cáo đã bồi thường được 2.000.000đ, bị cáo có nghĩa vụ còn phải tiếp tục bồi thường 9.964.000đ.

Từ nhận định trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận nên bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

[8] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 – Bộ luật tố tụng hình sự.
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ L; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 48 – Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590 – Bộ luật dân sự; Điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 23 – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bị cáo Lê Vũ L phạm tội cố ý gây thương tích;

Tuyên phạt: Bị cáo Lê Vũ L 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Giao trả anh Phạm Phú N 2.000.000 đồng tiền bị cáo Lâm bồi thường; Số tiền này Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau đang quản lý (Biên lai số 0009847 ngày 02/3/2020).

- Bị cáo Lê Vũ L có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho anh Phạm Phú N 9.964.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy cây dao màu đen, lưỡi và cán dao bằng sắt là tang vật của vụ án; Tang vật Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý.

- Án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lê Vũ L phải chịu 200.000 đồng; Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo Lê Vũ L phải chịu 598.000 đồng; Án phí hình

sự phúc thẩm bị cáo Lê Vũ L phải chịu 200.000 đồng; Án phí dân sự phúc thẩm bị cáo Lê Vũ L phải chịu 300.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát ND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miến